TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 6- 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Diễm Châu**- Nguyên cán bộ huyện đoàn

2. Ông **Đinh Đắc Tư**- Phó chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* **Nguyễn Tiến Lễ**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T , sinh ngày 13/11/1986. Có mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Trần Tuấn K, sinh ngày 15/11/1982. Vắng mặt.

Nơi đăng ký thường trú: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Trần Tuấn K đến với hôn nhân do mai mối, sau đó có thời gian tìm hiểu khoảng 05 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ vào ngày 15/10/2010. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không hạnh phúc. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng ông K không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con nên dẫn đến ly thân từ tháng 6/2023 đến nay.

Trong thời gian ly thân cả hai không gặp nhau cũng không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Nay bà không còn tình cảm với ông K nên bà xin được ly hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/7/2011 hiện tại cháu đang sống với bà, khi ly hôn bà xin được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Tuấn K: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K nhiều lần tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định chung.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ trình bày và yêu cầu: Cháu là con chung của ông Trần Tuấn K và bà Nguyễn Thị Kim T, việc ông bà ly hôn thì cháu không có ý kiến gì, cháu có nguyện vọng được sống với bà T và không có yêu cầu gì đối với ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông K. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/7/2011 cho bà T nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà T yêu cầu ly hôn với ông K nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông K có nơi cư trú hiện nay tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của đương sự thì cuộc sống của bà và ông K không hạnh phúc. Nguyên nhân

chính là do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, ông kiệt thì không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân bà và ông K không gặp nhau cũng không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn tình cảm, cho thấy hôn nhân giữa ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông K theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

[3] Về con chung: Bà T và ông K có 01 con chung là cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/7/2011 hiện cháu đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Xét về vấn đề nuôi con: Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi ông bà ly thân đến nay cháu Á sống với bà T cũng như trong quá trình giải quyết vụ án cháu Á cũng có nguyện vọng được sống với bà T. Vì vậy, để tạo điều kiện trong sinh hoạt và ổn định tâm lý cho cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu Á cho bà trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà T cho rằng bà đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông K cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc ông K phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T đối với bị đơn ông Trần Tuấn K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Trần Tuấn K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trần Tuấn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Tuấn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006886 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà T đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Trinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Ánh Đào